TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2025/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 28 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vừ Thị M, sinh năm 1992; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Làm nương; số CCCD: 002192005928 do cục C - BCA cấp ngày 25/6/2021; địa chỉ: Thôn M, xã L, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Sùng Mí S, sinh năm 1993; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 002093003508 do Cục C - BCA cấp ngày 11/8/2021; địa chỉ: Thôn M, xã L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/8/2025,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/8/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vừ Thị M và anh Sùng Mí S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vừ Thị M và anh Sùng Mí S nhất trí thuận tình ly hôn. (Trích lục kết hôn số: 75/TLKH-BS, ngày 17/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị Vừ Thị M và anh Sùng Mí S xác nhận anh chị có hai con chung là Sùng Thị M1, sinh ngày 31/12/2012 và Sùng Mí M2, sinh ngày 04/7/2014, ly hôn chị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Sùng Thị M1 cho đến khi đủ 18 tuổi; anh S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Sùng Mí M2 cho đến khi đủ 18 tuổi; chị M, anh S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV 8 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Lũng Cú, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh